TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số 78/2018/DS-PT
Ngày 29/5/2018
V/v *"Tranh chấp đòi lại tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến, ông Nguyễn Xuân Điền

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 78/TB-TLVA ngày 27/12/2017 về *"Tranh chấp đòi lại tài sản"* do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2017/DS-ST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 78A/2018/QĐ-PT ngày 07/5/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.2. Ông Dương Công B, sinh năm 1941;

1.2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1947;

Ông B và bà T cùng trú tại Hoa Kỳ. Ông B, bà T ủy quyền cho ông Trương Văn B và bà Dương Thị X cùng trú tại thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định; theo văn bản ủy quyền ngày 21/11/2011; ông B và bà X đều có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là Luật sư Hồ K thuộc Văn phòng Luật sư T, Đoàn Luật sư tỉnh Bình Định, luật sư Hồ K có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Dương Công T, sinh năm 1959, có mặt;

2.2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1962, vắng mặt;

Ông T, bà T cùng trú tại: huyện T, tỉnh Bình Định; bà T ủy quyền cho Ông T tham gia tố tụng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Dương Công C, sinh năm 1937 (cha ông Dương Công T); trú tại: Thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định, có mặt.

3.2. Bà Dương Thị H; trú tại: Thôn Thuận Ninh, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định, có mặt.

3.3. Bà Dương Thị X; trú tại: Thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định, có mặt.

3.4. Ông Dương Công C; trú tạitỉnh Đồng Nai, vắng mặt; ông Chánh ủy quyền cho ông Trương Văn B tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền lập ngày 20/02/2012;

3.5. Ủy ban nhân dân huyện T; có trụ sở tại: thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định; Chủ tịch UBND huyện T ủy quyền cho ông Nguyễn Quốc D - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T (theo văn bản ủy quyền ngày 05/8/2016); ông D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại Đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2011 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là vợ chồng ông Dương Công B, bà Lê Thị T và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Nguồn gốc nhà đất tại số 76 (số cũ là 70) đường M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định là tài sản do vợ chồng ông Dương Công B, bà Lê Thị T tạo lập. Tháng 02/1992, vợ chồng Ông B đi nước ngoài theo diện bảo lãnh, nên Ông B ký giấy giao nhà đất cho cha Ông B là cụ Dương D ở Việt Nam quản lý, sử dụng để làm ăn sinh sống; ngày 02/7/1997, cụ D lập di chúc cho vợ chồng ông Dương Công T, bà Trần Thị T nhà đất. Sau này khi về nước thì Ông B mới biết việc cha lập di chúc cho cháu là vợ chồng ông Dương Công T, bà Trần Thị T nhà đất nên năm 2011 vợ chồng Ông B khởi kiện yêu cầu vợ chồng Ông T trả lại nhà đất; vợ chồng Ông B đồng ý thanh toán cho vợ chồng Ông T tiền sửa chữa nhà, tiền thuế đã nộp tổng cộng là 77.485.860 đồng như kết quả định giá ngày 03/7/2012 và Biên bản xác minh tại Chi cục Thuế huyện T ngày 08/9/2017), không đồng ý trả 350.000.000 đồng như yêu cầu của Ông T; yêu cầu hủy Quyết định số 77/QĐ-UB ngày 19/8/1991 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở

hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH 13188 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho vợ chồng Ông T, bà T ngày 24/12/2015.

Bị đơn là vợ chồng ông Dương Công T, bà Trần Thị T trình bày: Ông Bà công nhận nhà đất tại số 76 (số cũ 70) M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định có nguồn gốc do vợ chồng Ông B, bà T tạo lập; nhưng trước khi ra nước ngoài thì ngày 13/8/1991, Ông B đã viết giấy giao nhà đất lại cho cha là cụ Dương D (ông nội Ông T) toàn quyền sở hữu, định đoạt nên ngày 02/7/1997, cụ D đã lập di chúc cho Ông Bà nhà đất. Nay vợ chồng ông Bàng kiện đòi nhà đất thì Ông Bà đồng ý trả, nhưng yêu cầu vợ chồng Ông B bà T trả công sức cho Ông Bà 350.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị X (cũng là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) thống nhất với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị H thống nhất với như trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Công C (ủy quyền cho ông Trương Văn B), ông B thống nhất với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Công Cấn thống nhất với trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:

+ Căn cứ Giấy xin xác nhận quyền sở hữu nhà ngày 16/8/1990 của vợ chồng Ông B, bà T; căn cứ Giấy cho nhà ngày 13/8/1991 của Ông B cho cha là cụ Dương D (Giấy được Ủy ban nhân dân thị trấn P và Phòng Công nghiệp huyện T xác nhận) thì Ủy ban nhân dân huyện T đã ra Quyết định số 77/QĐ-UB ngày 19/8/1991 công nhận ngôi nhà số 76 (số cũ 70) đường M thuộc quyền sở hữu của cụ Dương D.

+ Căn cứ Bản di chúc ngày 02/7/1997 của cụ Dương D (Di chúc có chứng nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn P); căn cứ văn bản nhận thừa kế theo di chúc ngày 01/12/2015 (có chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn P); căn cứ đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất của vợ chồng Ông T (được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T xác nhận đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất); căn cứ Trích lục bản đồ; biên bản xác định vị trí, khu vực, hạng đất...vv thì Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 13188 ngày 24/12/2015 cho vợ chồng Ông T, bà T.

Nay vợ chồng Ông B, bà T yêu cầu hủy Quyết định số 77/QĐ-UB ngày 19/8/1991 của Ủy ban nhân dân huyện T và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 13188 ngày 24/12/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho Ông T bà T thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2017/DS-ST ngày 12/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 106 Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Hủy Quyết định số 77/QĐ-UB ngày 19/8/1991 của Ủy ban nhân dân huyện T và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CHI3188 ngày 24/12/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Dương Công T, bà Trần Thị T.

3. Buộc vợ chồng ông Dương Công T, bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ giao lại cho vợ chồng ông Dương Công B, bà Lê Thị T ngôi nhà tại số 76 (số cũ 70) đường M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định và quyền sử dụng đất gắn liền 198,4m^2 (có sơ đồ kèm theo).

4. Buộc vợ chồng ông Dương Công B, bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ giao lại cho vợ chồng ông Dương Công T, bà Trần Thị T 77.485.860 đồng (bảy bảy triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm sáu mươi đồng)

5. Về án phí:

- Vợ chồng ông Dương Công T, bà Trần Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho vợ chồng ông Dương Công B, bà Lê Thị T 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 004553 ngày 02/11/2011 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Vợ chồng ông Dương Công B, bà Lê Thị T tự nguyện chịu 3.000.000đồng; nhưng được trừ vào 3.000.000 đồng tạm ứng chi phí Ông Bà đã nộp, ông Bà đã nộp đủ.

Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo.

- Ngày 03/10/2017, vợ chồng Ông T, bà T kháng cáo cho rằng việc cụ Dương D di chúc cho Ông Bà nhà đất tại số 76 (số cũ 70) đường M thì vợ chồng Ông B biết, nhưng không phản đối nên nay Tòa án buộc Ông Bà trả lại nhà đất cho vợ chồng Ông B là không đúng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Phía nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, đồng ý hỗ trợ thêm cho bị đơn 20 triệu đồng;

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận trả nhà đất cho nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc hỗ trợ cho bị đơn thêm 20.000.000 đồng.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ việc hỏi và tranh luận tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 18/7/2011 vợ chồng ông Dương Công B, bà Lê Thị T khởi kiện đòi nhà đất tại 70 M, hiện vợ chồng ông Dương Công T, bà Trần Thị T đang quản lý, sử dụng. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2012/DSST ngày 26/12/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xác định quyền sở hữu nhà đất thuộc vợ chồng Ông B, bà T nên buộc vợ chồng Ông T, bà T trả lại nhà đất cho vợ chồng Ông B, bà T, đồng thời buộc vợ chồng Ông B, bà T thanh toán cho vợ chồng Ông T, bà T một số chi phí thực tế. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 32/2013/DSPT ngày 23/4/2013, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xác định quyền sở hữu nhà đất đã chuyển từ vợ chồng Ông B, bà T sang cụ Dương D, cụ Dương D đã lập di chúc cho vợ chồng Ông T, bà T nên bác yêu cầu đòi lại nhà đất của vợ chồng Ông B, bà T. Bản án phúc thẩm nêu trên bị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị và tại Quyết định giám đốc thẩm số 11/2016/DS-GĐT ngày 15/6/2016, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định hủy bản án phúc thẩm và bản án sơ thẩm nêu trên; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm lại và Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định sau khi thụ lý vụ án đã xét xử lại với kết quả nêu ở phần trên.

Thấy rằng:

(1). Căn cứ ***Đơn xin xác nhận quyền sở hữu*** ngày 16/8/1990 của vợ chồng Ông B, bà T (Đơn được chính quyền địa phương xác nhận); căn cứ trình bày của vợ chồng Ông B, bà T; trình bày của vợ chồng Ông T, bà T và trình bày của ông Cẩn, ông Chánh, bà X và bà Hồng thì đủ cơ sở xác định nhà số 76 (số cũ 70) đường M, thị trấn P, huyện T có nguồn gốc là tài sản của vợ chồng Ông B, bà T. Trước khi xuất cảnh sang Mỹ, thì ngày 13/8/1991 Ông B có lập, ký Văn bản với tiêu đề là ***Giấy cho nhà***; nhưng nội dung văn bản ghi *"...tôi viết giấy này để giao lại nhà cho cha tôi còn ở lại Việt Nam làm ăn sinh sống"* là chỉ thể hiện Ông B giao quyền quản lý, sử dụng nhà đất tại 76 M cho cha là cụ Dương D, chứ không thể hiện giao quyền sở hữu, định đoạt nhà đất này cho cụ Dương D. Thực tế, tại Biên bản hòa giải ngày 15/9/2011, Ông T cũng đồng ý trả nhà đất lại cho vợ chồng Ông B với điều kiện Ông B phải hoàn trả toàn bộ chi phí sửa chữa nhà và thuế đất Ông T đã nộp, đồng thời vợ chồng Ông B phải về Việt Nam định cư lâu dài; điều này thể hiện vợ chồng Ông T cũng đã nhận thức được việc nhà đất vẫn thuộc quyền sở hữu của vợ chồng Ông B. Hơn nữa, nhà đất tại 76 M là tài sản chung của vợ chồng Ông B, bà T, nhưng mình Ông B xác lập, ký ***Giấy cho nhà*** là xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bà T nên ***Giấy cho nhà*** nêu trên không có giá trị pháp lý.

(2). Như vậy ***Giấy cho nhà*** Ông B ký nêu trên không có giá trị pháp lý để được công nhận nên việc Ủy ban nhân dân thị trấn P và Phòng Công nghiệp huyện T căn cứ ***Giấy cho nhà*** xác nhận có việc cho nhà 76 M (sở hữu căn nhà đã chuyển từ vợ chồng Ông B, bà T sang cụ Dương D) là không đúng. Tiếp đó, trên cơ sở xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn P và Phòng Công nghiệp huyện T thì Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 77/QĐ-UB ngày 19/8/1991 công nhận nhà đất tại 76 M thuộc sở hữu của cụ Dương D cũng là không đúng. Sau đó, ngày 02/7/1997, cụ Dương D lập di chúc giao nhà đất tại 76 M cho vợ chồng cháu nội là ông Dương Công T, bà Trần Thị T; ngày 24/12/2015 Ủy ban nhân dân huyện T (căn cứ quyết định có hiệu lực tại Bản án dân sự phúc thẩm số 32/2013/DSPT ngày 23/4/2013 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân tối cao tại Đà Nẵng) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 13188 cho Ông T, bà T cũng không đúng vì ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng Ông B, bà T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyền sở hữu nhà đất vẫn thuộc vợ chồng ông Dương Công B, bà Lê Thị T là có căn cứ, đúng pháp luật.

(3). Quá trình Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định thụ lý, giải quyết sơ thẩm lại lần thứ hai thì vợ chồng Ông T thường xuyên vắng mặt và cả hai bên đương sự đều không có yêu cầu Tòa án định giá lại giá trị xây dựng căn nhà. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ thực tế vợ chồng Ông T, bà T đã có nhà ở tại 205/1 đường Đống Đa, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định (nhà đất tranh chấp vợ chồng Ông

T giao cho vợ chồng con trai quản lý, sử dụng); căn cứ kết quả định giá tại Biên bản định giá ngày 03/7/2012 và Biên bản xác minh tại Chi cục Thuế huyện T ngày 08/9/2017 buộc vợ chồng Ông T, bà T trả nhà đất cho vợ chồng Ông B, bà T; đồng thời buộc vợ chồng Ông B, bà T thanh toán cho vợ chồng Ông T, bà T chi phí sửa chữa nhà chính, xây dựng thêm công trình phụ; công sức giữ gìn, tôn tạo và tiền thuế Ông T, bà T đã nộp với tổng số tiền là 77.485.860 đồng là có cơ sở, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý hỗ trợ thêm cho bị đơn 20.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm ghi nhận sự tự nguyện này.

(4). Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết có cơ sở, đúng pháp luật và không có kháng cáo, kháng nghị. Vợ chồng Ông T, bà T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Dương Công T, bà Trần Thị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 35/2017/DS-ST ngày 12/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, cụ thể như sau:

1.1. Hủy Quyết định số 77/QĐ-UB ngày 19/8/1991 của Ủy ban nhân dân huyện T và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 13188 ngày 24/12/2015 của Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Dương Công T, bà Trần Thị T.

1.2. Buộc vợ chồng ông Dương Công T, bà Trần Thị T giao lại cho vợ chồng ông Dương Công B, bà Lê Thị T ngôi nhà tại số 76 (số cũ 70) đường M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Định gắn liền quyền sử dụng diện tích 198,4m^2 đất (có sơ đồ kèm theo).

1.3. Buộc vợ chồng ông Dương Công B, bà Lê Thị T thanh toán cho vợ chồng ông Dương Công T, bà Trần Thị T số tiền 77.485.860 đồng (bảy mươi bảy triệu, bốn trăm tám mươi lăm nghìn, tám trăm sáu mươi đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn hỗ trợ bị đơn 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự; nếu bên có nghĩa vụ trả tiền chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi theo lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.4. Về án phí sơ thẩm: Vợ chồng ông Dương Công T, bà Trần Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại cho vợ chồng ông Dương Công B, bà Lê Thị T 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 004553 ngày 02/11/2011 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

1.5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Vợ chồng ông Dương Công B, bà Lê Thị T tự nguyện chịu 3.000.000 đồng; vợ chồng Ông B, bà T đã nộp và chi xong.

2/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Vợ chồng ông Dương Công T, bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), trừ vào số tiền 300.000 đồng vợ chồng Ông T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 08124 ngày 25/10/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định (để biết);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân